

Bản án số: 23/2018/HSST

Ngày: 26/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Hà

Bà Vương Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly là thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K' Dem- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Thị Ánh T**, sinh năm 1983 tại: Lâm Đồng.

Nơi cư trú: số nhà 112, thôn K' Long Trao 2, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Phú H và bà Hà Thị Q; có 01 người con sinh năm 2004.

Tiền án: Tại Bản án số 31/2012/HSPT ngày 29/5/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt ngày 21/01/2016.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện D. *Có mặt*

2. Họ và tên: **Trần Lê K**, sinh năm 1989 tại: Lâm Đồng.

Nơi cư trú: số 80/23B đường P, phường 16, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Lê Thị D;

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện D. *Có mặt*

3. Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 1980 tại: Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 16, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Lê Thị Ch; có vợ Nguyễn Thị H và 02 người con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện D. *Có mặt*

4. Họ và tên: **Bùi Thanh T** (Tên gọi khác: Tèo), sinh năm 1986 tại: Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 19, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đ và bà Nguyễn Thị B;

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện D. *Có mặt*

5. Người làm chứng:

- Anh Hoàng Công Th; địa chỉ: số 175 thôn 8, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt

- Anh Nguyễn Q; địa chỉ: thôn 7, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

- Chị Hoàng Thị Thanh V; địa chỉ: thôn 7, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 00 trưa ngày 15/12/2017, Công an huyện D phối hợp với chính quyền địa phương xã G tiến hành kiểm tra, phát hiện tại số nhà 112 thôn K' Long Trao 2, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, và bắt quả tang Phạm Thị Ánh T và Nguyễn Q (SN: 1988, NKTT: Thôn 7, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng) đang sử dụng ma túy. Đồng thời tiến hành khám xét nhà ở của T thu giữ được 05 (năm) gói nylon bên trong có chất ma túy loại Methamphetamine nằm trong Danh mục II,

STT: 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ và 01 (một) cân tiểu ly trong gói thuốc lá Jet để trên bàn trong phòng ngủ của T. T khai nhận đây là ma túy của T mua từ Trần Lê Kh để sử dụng và bán kiếm lời.

Đến khoảng 13 giờ 00 cùng ngày, tại nhà nghỉ Song An thuộc Tổ dân phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, Công an huyện D tiến hành bắt quả tang Trần Văn T và Hoàng Thanh V (SN: 1999, NKTT: Tổ dân phố 19, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng), khi T đang cầm trên tay 01 (một) gói nylon bên trong có chất ma túy, 01 (một) phong bì bên trong có chất ma túy để trước trên sàn nhà trước mặt chỗ T ngồi và 01 (một) gói nylon bên trong có chất ma túy ở trong ví da của T. Đây là chất ma túy loại Methamphetamine nằm trong Danh mục II, STT: 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Tài đã thừa nhận 03 gói nylon bên trong có chất ma túy trên là của T nhận từ Bùi Thanh T vào tối ngày 14/12/2017, theo sự chỉ đạo của Phạm Thị Ánh T.

Mở rộng điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã xác định rõ hành vi phạm tội của các bị can như sau: Phạm Thị Ánh T là người nghiện ma túy, năm 2012 đã bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi ra tù trở về địa phương, T có quen với một người thanh niên tên Ú (không rõ địa chỉ cụ thể), lúc đầu nguồn ma túy mà T có là do lấy của Ú. Sau đó, do xích mích với Ú nên T không lấy ma túy của Ú nữa. Do có quen biết với Trần Lê Kh từ trước và biết Kh có nguồn ma túy ở Tp Hồ Chí Minh nên từ đầu tháng 6/2017, T sử dụng số điện thoại 0981.226.273 và số điện thoại 0983.306.592 để liên lạc với Kh qua số điện thoại 0968.468.968 hỏi mua ma túy của Kh nhiều lần. Kh đồng ý bán ma túy cho T, hai bên thống nhất với nhau về việc mua bán ma túy là T sẽ chuyển tiền vào tài khoản số 060135836039 (tài khoản Sacombank) cho Kh, còn Kh sẽ gửi ma túy (được đóng gói, nguyên trạng trong các thùng hàng hóa) từ thành phố Hồ Chí Minh về cho T, giá tiền mua bán ma túy là 01 hộp năm ma túy đá (khoảng 5gam) có giá từ 3.800.000 đồng đến 4.000.000 đồng; 01 hộp mười ma túy đá (khoảng 10gam) có giá từ 6.000.000 đồng đến 6.700.000 đồng. Từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017, T đã nhiều lần mua ma túy của Kh, số tiền chuyển khoản cho Kh để mua ma túy là 533.969.000 đồng mục đích là để sử dụng và bán kiếm lời. Cũng trong khoảng thời gian này, ngoài việc trực tiếp mua ma túy của Kh, T còn rủ rê, lôi kéo Trần Văn T, Bùi Thanh T tham gia. T giao nhiệm vụ cho T, T thực hiện việc chuyển tiền cho Kh để mua ma túy, nhận ma túy do Kh gửi về và bán ma túy cho T. T trả công cho T bằng cách cho T ma túy để sử dụng, trả công cho T từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng mỗi lần T bán được ma túy và cho T ma túy để sử dụng, cụ thể như sau:

- *Đối với việc chuyển tiền cho Kh để mua ma túy:* Trong tổng số tiền 533.969.000 đồng mà T đã mua ma túy của Kh thì T đã trực tiếp chuyển tiền cho

Kh 09 lần với số tiền là 37.383.500 đồng. T đưa tiền nhờ Trần Văn T chuyển tiền cho Kh 07 lần với số tiền 58.500.000 đồng; đưa tiền nhờ Bùi Thanh T chuyển tiền cho Kh 43 lần với số tiền là 406.585.500 đồng. Ngoài ra, T còn nhiều lần đưa tiền cho T, chỉ đạo T đưa tiền cho T để T chuyển khoản cho Kh (trong đó, ngày 14/12/2017 và ngày 15/12/2017 T đã đưa cho T tổng số tiền 24.000.000 đồng). T, T đều biết rõ việc T mua bán ma túy và tham gia giúp T chuyển tiền cho Kh là để mua ma túy. Toàn bộ số tiền mà T, T chuyển cho Kh là tiền của T.

- *Đối với việc nhận ma túy do Kh gửi từ Thành Phố Hồ Chí Minh về:* Ma túy do Kh gửi từ Thành Phố Hồ Chí Minh về thông qua các tuyến xe khách đều được Kh ngụy trang trong các thùng hàng hóa. T đã nhiều lần nhận ma túy do Kh gửi về, ngoài ra T còn nhiều lần yêu cầu Kh gửi ma túy về cho T, T nhận dùm để giao lại cho T. Toàn bộ ma túy nhận được thì T, T đã giao lại cho T hết. Trong số các lần mà T mua ma túy của Kh thì từ ngày 05/12/2017 đến ngày 14/12/2017 Kh đã 05 lần gửi ma túy từ Tp Hồ Chí Minh về cho T, mỗi lần gửi ma túy Kh đều ngụy trang trong thùng giấy cacton. Sau khi nhận được ma túy, T đều thông báo cho T biết và T đã trực tiếp giao cho T 02 lần, trực tiếp giao cho T 02 lần (vào ngày 13/12/2017 và ngày 14/12/2017) theo chỉ đạo của T; 01 lần giao ma túy cho một thanh niên (cũng theo chỉ đạo của T) mà T không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của người này.

- *Đối với việc bán ma túy:* Số ma túy mà T đã mua được của Kh, ngoài việc sử dụng cho bản thân, T còn bán lại để kiếm lời. Người mua ma túy sẽ liên hệ với T để thống nhất giá cả và hẹn địa điểm giao nhận. Trường hợp T không trực tiếp đi giao thì T sẽ lấy tiền trước và chỉ đạo cho T giao ma túy. T sẽ giao ma túy theo yêu cầu của T mà không lấy tiền. Trong số những người mà T đã bán ma túy, T, T khai nhận đã bán ma túy cho các đối tượng sau:

+ T khai nhận đã trực tiếp bán ma túy và cũng nhờ T giao ma túy cho đối tượng tên Lg (hoặc Lượm) ở xã T nhiều lần (không nhớ rõ cụ thể số lần đã bán, thời điểm bán). Tài khai nhận có giao ma túy cho L (hoặc Lượm) nhiều lần theo chỉ đạo của T.

+ Ngày 11/12/2017 T trực tiếp bán ma túy cho Nguyễn Q (đối tượng có mặt tại nhà T vào thời điểm bắt quả tang) số tiền 200.000 đồng tại nhà của T.

+ Tuyệt bán ma túy cho Hà Công Th, sinh năm: 1996; HKTT: số 175 thôn 8, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng nhiều lần, lần gần nhất là vào tối 14/12/2017 T bán ma túy cho Th với số tiền 1.000.000 đồng tại nhà T. Sau khi cầm tiền, T cho Th số điện thoại của T, sau đó chỉ đạo T giao ma túy cho Th khi Th liên lạc.

Ngoài ra, T còn khai nhận việc mua bán ma túy cùng với T còn có Huỳnh Công Th, sinh năm: 1987; HKTT: thôn T, xã N, huyện Đĩnh Lâm Đồng cùng tham gia với T với vai trò là người chỉ huy. Th cũng là người nghiện ma túy, sinh sống chung với T như vợ chồng. Th đã trực tiếp chuyển tiền cho Kh 04 lần với số

tiền là 31.500.000 đồng và nhận ma túy do Kh gửi về nhiều lần. T chỉ liên lạc với Kh để mua ma túy và nhận ma túy do Kh gửi về. Việc bán ma túy cho người khác chủ yếu do Th thực hiện và trực tiếp giao ma túy. Khi Th không đi giao được ma túy, T sẽ nhờ T và trả tiền công cho T. Việc trả công cho T cũng là do T, Th thống nhất với nhau.

Bùi Thanh T, Trần Văn T đều khai nhận không có mối quan hệ gì với Huỳnh Công Th, chỉ biết Th là người nghiện ma túy ở cùng với T, không biết vai trò của Th trong vụ án là như thế nào.

Trần Lê Kh khai nhận không có mối quan hệ gì với Huỳnh Công Th và Trần Văn T chưa từng được gặp Th, T. Số tiền mà Kh nhận được do Th, T chuyển khoản đều được T thông báo cho Kh biết. Kh cũng đã nhiều lần gửi ma túy về cho người có tên Th, T theo yêu cầu của T. Ngoài ra, Trần Lê Kh còn có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Tân H nhiều lần.

Ngày 15/12/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện D ra Quyết định trưng cầu giám định số 26 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng giám định chất ma túy thu giữ của T có phải là ma túy hay không, loại ma túy gì, trọng lượng bao nhiêu?. Ngày 17/12/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng có kết quả giám định số 371/GĐ-PC54 kết luận:

Mẫu tinh thể đựng trong 05 (năm) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 8,6413g, loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT: 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. (BL: 96-98)

Ngày 15/12/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện D ra Quyết định trưng cầu giám định số 27 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng giám định chất ma túy thu giữ của Trần Văn T có phải là ma túy hay không, loại ma túy gì, trọng lượng bao nhiêu?. Ngày 18/12/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng có kết quả giám định số số 372/GĐ-PC54 kết luận:

- Phong bì 1: Mẫu tinh thể đựng trong 01 (một) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 4,8699g, loại Methamphetamine.

- Phong bì 2: Mẫu tinh thể đựng trong 01 (một) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,6526g, loại Methamphetamine.

- Phong bì 3: Mẫu tinh thể đựng trong 01 (một) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 9,9784g, loại Methamphetamine.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ của Tài là 15,5009g loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT: 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. (BL: 100-102)

Vậy tổng khối lượng ma túy thu giữ của Phạm Thị Ánh T (8,6413gam) và

của Trần Văn T (15,5009gam) là 24,1422gam loại Methamphetamine. Toàn bộ số ma túy này là của T mua của Kh. Trong đó khối lượng ma túy thu giữ của T tại Nhà nghỉ Song An là ma túy mà T yêu cầu T giữ lại để bán cho người khác theo chỉ đạo của T.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra các bị can Phạm Thị Ánh T, Trần Lê Kh, Trần Văn T, Bùi Thanh T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khai báo những hành vi phạm tội mua bán trước đó. Đây là tình tiết cần xem xét giảm nhẹ cho các bị can Phạm Thị Ánh T; Trần Văn T; Bùi Thanh T và Trần Lê Kh theo điểm o, p, khoản 1, điều 46 Bộ luật hình sự. Riêng Bị can T có mẹ là Hà Thị H (Qu) có tham gia chống Mỹ cứu nước gia đình liệt sĩ Tổ quốc ghi công nên áp dụng thêm khoản 2, điều 46 BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Về tình tiết tăng nặng: các bị can nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy, còn T đã có 01 (một) tiền án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý. Đây là tình tiết tăng nặng định khung tại điểm b, m, p khoản 2 Điều 194 BLHS 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Đồ vật, tài liệu thu giữ của các bị can và vật chứng sau khi giám định gồm:

1. Thu giữ của Phạm Thị Ánh T:

- 01 (một) cân tiểu ly loại Amput, mặt trước màu trắng, mặt lưng màu đen chiều dài khoảng 04 cm; chiều rộng khoảng 02 cm, (BL: 60)

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO vỏ màu vàng, số IMEI1: 866977030379855; số IMEI2: 866977030379848; điện thoại có 02 SIM đang hoạt động, không kiểm tra chi tiết máy móc bên trong, (BL: 60)

- 01 (một) phong bì được niêm phong số 371/2018 vụ Phạm Thị Ánh T (1983) HKTT: 112 K'Long Trao 2 – Gung Ré – Di Linh – Lâm Đồng; QĐTC: 26 ngày 15/12/2017, bao gói có chữ ký niêm phong của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn Ch và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng. (BL: 96-99)

- 01 (một) phong bì được niêm phong số 371/2018 vụ Phạm Thị Ánh T (1983) HKTT: 112 K'Long Trao 2 – Gung Ré – Di Linh – Lâm Đồng; QĐTC: 26 ngày 15/12/2017, hoàn mẫu: 7,7616 (g) có chữ ký niêm phong của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn Ch và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng. (BL: 96-99)

2. Thu giữ của Trần Văn T:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh bên trong có 01 SIM điện thoại đang hoạt động, không kiểm tra chi tiết máy móc bên trong. (BL: 79-80)

- 01 (một) phong bì được niêm phong số 372/2018 vụ Trần Văn T (1980) HKTT: Tổ dân phố 16 – TT Di Linh – Di Linh – Lâm Đồng; QĐTC: 27 ngày 15/12/2017, bao gói có chữ ký niêm phong của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Vũ Minh H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng. (BL: 100-104)

- 01 (một) phong bì được niêm phong số 372/2018 vụ Trần Văn T (1980) HKTT: Tổ dân phố 16 – TT Di Linh – Di Linh – Lâm Đồng; QĐTC: 27 ngày 15/12/2017, Hoàn mẫu: Pb1: 3,6350(g); Pb2: 0,2605 (g); Pb3: 8,5688 (g) có chữ ký niêm phong của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Vũ Minh H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng. (BL: 100-104)

3. Thu giữ của Bùi Thanh T:

- 05 (năm) hộp giấy bằng bìa cacton, màu trắng, kích thước 30cm x 20cm x 10cm, có chữ ký xác nhận của Bùi Thanh T trên từng thùng cacton. (BL: 84)

- 02 (hai) kéo bằng kim loại; 01 (một) dụng cụ gấp bằng kim loại; 02 (hai) hộp quẹt (01 màu vàng; 01 bằng kim loại) thu giữ của Bùi Thanh T, đã được niêm phong. (BL: 84)

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 216 màu đen, Số Seri 1: 357343085773219, Số Seri 2: 357343089773215, có 01 (một) SIM đang hoạt động, số điện thoại sử dụng: 0947404279. (BL: 88)

4. Thu giữ của Trần Lê Kh:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, có 01 SIM điện thoại đang hoạt động, số điện thoại là: 0968.468.968, không xác định tình trạng máy móc bên trong. (BL: 67-68)

- 01 thẻ căn cước công dân số mang tên Trần Lê Kh số 0680 8900 0065 cấp ngày 27/ 12/ 2016 Nơi cấp: Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư. (BL: 67-68)

- 01 thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank số thẻ 4221 5172 9162, chủ tài khoản Trần Lê Kh, số tài khoản: 0601 3583 6039. (BL: 67-68)

- 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietinbank, số thẻ 9704 1552 2515 9625, chủ thẻ: Trần Lê Kh.

Tại bản Cáo trạng số 21/Ctr-VKS ngày 28 tháng 5 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố Phạm Thị Ánh Tuyết, Trần Lê Kh, Trần Văn T, Bùi Thanh T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 94 Bộ luật hình sự năm 1999. Riêng Phạm Thị Ánh T áp dụng thêm điểm p khoản 2, Điều 94 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân rút một phần truy tố tại điểm m, khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T và Bùi Thanh T bởi lẽ bị cáo Trần Văn T khi bị bắt quả tang chỉ thu giữ 15,5009g loại

Methamphetamine, còn khi bắt bị cáo Bùi Thanh T không thu giữ được lượng ma túy nào, vậy nên hai bị cáo không phải chịu khối lượng ma túy 24,1422gam loại Methamphetamine mà bị cáo Trần Lê Kh đã bán cho bị cáo Phạm Thị Ánh T; còn các nội dung khác của bản Cáo Trạng đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên như đã truy tố.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận diễn biến vụ việc đúng như bản Cáo trạng và không thắc mắc, khiếu nại gì nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm b, p, m khoản 2 Điều 194; điểm o, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phạm Thị Ánh T từ 08 đến 09 năm tù.

+ Áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194; điểm o, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Trần Lê Kh từ 05 đến 06 năm tù.

+ Áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 94; điểm o, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 04 đến 05 năm tù.

+ Áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 94; điểm o, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Bùi Thanh T từ 04 đến 05 năm tù.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo Phạm Thị Ánh T, Trần Lê Kh, Trần Văn T, Bùi Thanh T trình bày rằng đã nhận thức rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, sớm hòa nhập cộng đồng. Riêng bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử không xử phạt tiền bổ sung vì không có điều kiện thi hành án, gây gánh thêm gánh nặng cho gia đình bị cáo; không tịch thu điện thoại di động hiệu OPPO vỏ màu vàng, số IMEI1: 866977030379855 vì đây là vật kỷ niệm do con bị cáo tặng cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Di Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

-Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng là Hoàng Công Th, Nguyễn Q, Hoàng Lê V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vắng mặt đối với những người làm chứng trên theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Các bị cáo Phạm Thị Ánh T, Trần Lê Kh, Trần Văn T, Bùi Thanh T đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Theo hồ sơ thể hiện thì Phạm Thị Ánh T là đối tượng nghiện ma túy, trưa ngày 15/12/2017 khi đang sử dụng ma túy cùng một người tên Nguyễn Q tại nhà thuộc thôn K' Long Trao 2, xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng thì bị kiểm tra, phát hiện. Số ma túy mà Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà T có trọng lượng 9,9784g, loại Methamphetamine. Mở rộng điều tra Cơ quan điều tra kiểm tra nhà nghỉ Song An thuộc tổ dân phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng đối với đối tượng Trần Văn T và thu giữ tại phòng tài đang thuê là 15,5009g loại Methamphetamine. Phạm Thị Ánh T thừa nhận toàn bộ số lượng ma túy Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà T và thu giữ của T nêu trên đều là của T mua của Trần Lê Kh, cư trú tại: số 80/23B đường P, phường 16, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh. T khai nhận mua toàn bộ số ma túy nêu trên từ Kh vào chiều ngày 14/12/2017 bằng hình thức Kh gửi ma túy qua xe khách từ Thành phố Hồ Chí Minh về Di Linh cho cho Bùi Thanh T, cư trú tại: Tổ dân phố 16, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, sau đó Tuyết nhờ Trần Văn T, trú tại tổ dân phố 16, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, đến gặp T nhận ma túy giao lại cho T, T giữ lại số lượng đã bị thu giữ để sử dụng và bán cho các con nghiện khác để kiếm lời lấy tiền sử dụng ma túy, khối lượng còn lại giao cho T để khi có khách hỏi mua thì T sẽ nhờ T giao giúp và trả tiền công cho T. Ngày 14/12/2018 Tuyết đã chỉ đạo T giao ma túy cho cho Hà Công Th, sinh năm: 1996; HKTT: số 175 thôn 8, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Khi nhận ma túy từ Kh gửi về từ Thành Phố Hồ Chí Minh thì T biết là ma túy gửi cho T, T khi nhận ma túy từ T cũng biết là ma túy giao cho T. Việc thanh toán tiền mua ma túy bằng hình thức chuyển khoản cho Kh qua ngân hàng Sacombank.

Trần Lê Kh thừa nhận chiều ngày 14/12/2015 có gửi ma túy cho T thông qua T như T khai nhận và xác nhận toàn bộ số ma túy T nhận từ T vào ngày 14/12/2017 là của Kh. Kh mua của một đối tượng tại Thành Phố Hồ Chí Minh bán cho T để kiếm tiền lời. Bùi Thanh T và Trần Văn T thừa nhận lời khai của T và Kh là đúng như diễn biến sự việc.

Như vậy đã có đầy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Thị Ánh T, Trần Lê Kh, Trần Văn T, Bùi Thanh T cùng đồng trong việc phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điều 194 Bộ luật hình sự. Trong đó T và T là đồng phạm với vai trò giúp sức.

Các bị cáo T, Kh, T và T đều khai nhận thống nhất rằng số lượng ma túy mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của T và T vào ngày 15/12/2017 là số lượng ma túy mà ngày 14/12/2017 Kh chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh về cho T, sau đó T là người trực tiếp nhận đưa cho T giao cho T. Theo Kết luận giám định số 371/GĐ-PC54 ngày 17/12/2017 (BL 98) và Kết luận giám định số 372/GĐ-PC54 ngày 18/12/2017 (BL 102) thì số lượng ma túy thu giữ của Phạm Thị Ánh T là 9,9784 gam, loại Methamphetamine; số lượng ma túy thu giữ của Trần Văn T là 15,5009 gam loại Methamphetamine (*Chất ma túy loại Methamphetamine nằm trong Danh mục II, STT: 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ*), tổng số lượng ma túy thu giữ là 24,1422 gam loại Methamphetamine. Do đó, cần xác định tổng khối lượng ma túy T, Kh, T và T cùng mua bán vào ngày 14/12/2017 là 24,1422 gam loại Methamphetamine, nên các bị cáo T, Kh, T và T cùng phải chịu áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo điểm m (*khối lượng ma túy từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam*) khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh rút một phần truy tố tại điểm m Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 đối với Trần Văn T và Bùi Thanh T là chưa phù hợp.

Ngoài lần phạm tội bị bắt quả tang mà các bị cáo đã khai nhận nêu trên các bị cáo T, Kh, T và T đều tự khai nhận trước đó nhiều lần mua bán ma túy bằng thủ đoạn tương tự. Trong đó cụ thể là từ ngày 05/12/2017 đến ngày 14/12/2017 Kh đã 05 lần gửi ma túy từ Thành phố Hồ Chí Minh về cho T. Sau khi nhận được ma túy, T đều thông báo cho T biết và T đã trực tiếp giao cho T 02 lần, trực tiếp giao cho T 02 lần (*vào ngày 13/12/2017 và ngày 14/12/2017*) theo chỉ đạo của T; 01 lần giao ma túy cho một thanh niên (*cũng theo chỉ đạo của T*) mà T không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của người này. Theo chứng từ thể hiện, bị cáo Kh nhận chuyển khoản từ T, T, T. Tổng số tiền 533.969.000 đồng. Các bị cáo đều khai nhận đây là tiền bị cáo T mua ma Túy từ bị cáo Kh. Ngoài ra, trong vụ án Nguyễn Tấn H phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” cơ quan điều tra còn chứng minh được bị cáo Trần Lê Kh nhiều lần bán ma túy cho Nguyễn Tấn H; trong đó xác định được số lượng ma túy Kh bán cho H là 3,5881 gam loại Methamphetamine. Do đó, cần áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm b (*Phạm tội nhiều lần*), khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T, Kh, T và T. Riêng bị cáo T nhân thân đã bị xử phạt về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 (*tội rất nghiêm trọng*) chưa được

xóa án nhưng lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên cần áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm p (*tái phạm nguy hiểm*), khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Xét lời khai nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng, các chứng từ giao dịch tiền, lời khai của người làm chứng và cáo trạng nên đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Thị Ánh T, Trần Lê Kh, Trần Văn T, Bùi Thanh T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, m Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999; trong đó bị cáo T áp dụng thêm điểm p Khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các loại ma túy, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trị an tại địa phương, reo rắc mầm mống phát sinh cho các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng cố ý thực hiện.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì Phạm Thị Ánh T là người chủ mưu, cầm đầu trong việc mua ma túy về trực tiếp bán cho các đối tượng nghiện, ngoài ra còn lôi kéo bị cáo T, bị cáo T và những người khác phạm tội, nhân thân bị cáo đã bị xử phạt về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự (*tội rất nghiêm trọng*). Do đó, để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung thì cần cách ly bị cáo T khỏi cộng đồng một thời gian dài, áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong vụ án mới có tác dụng giáo cải tạo đối với bị cáo.

Bị cáo Kh là người trực tiếp cung cấp ma túy cho bị cáo T để bán cho các đối tượng nghiện, ngoài ra bị cáo Kh còn bán ma túy cho đối tượng Nguyễn Tấn H, bị cáo cũng có vai trò rủ rê lôi kéo bị cáo T cùng phạm tội nên cần xử phạt bị cáo mức án cao hơn bị cáo T, bị cáo T và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo T, bị cáo T tham gia vụ án với vai trò giúp sức, phạm tội lần đầu nên cho các bị cáo mức hình phạt thấp hơn bị cáo T và bị cáo Kh nhưng cũng cần cách ly khỏi xã hội một thời gian thích hợp mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo; tự khai ra nhưng lần mua bán ma túy trước đó nên cùng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo T, bị cáo Kh, bị cáo T thuộc

trường hợp gia đình có công với nhà nước; bị cáo T là lao động chính trong gia đình có cha mẹ già yếu, em bị bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo;

[6] Bị cáo Kh, bị cáo T, bị cáo T có hai tình tiết giảm nhẹ tại Điều 51; trong đó bị cáo T và T phạm tội lần đầu, là người giúp sức có vai trò không đáng kể nên áp dụng khoản 1, Khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 quyết định mức phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo Kh, T và T.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Kh khai nhận có việc thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Kh, các bị cáo T, T và T có hoàn cảnh khó khăn và việc áp dụng hình phạt bổ sung là không khả thi nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Xử lý vật chứng: Vật chứng chuyển sang chi cục thi hành án dân sự ngày 29/5/2018 bao gồm:

Vật chứng thu giữ của Phạm Thị Ánh T:

- 01 (một) cân tiểu ly loại Amput, mặt trước màu trắng, mặt lưng màu đen chiều dài khoảng 04 cm; chiều rộng khoảng 02 cm, (BL: 60)

- 01 (một) phong bì được niêm phong số 371/2018 vụ Phạm Thị Ánh T (1983) HKTT: 112 K'Long Trao 2 – Gung Ré – Di Linh – Lâm Đồng; QĐTC: 26 ngày 15/12/2017, bao gói có chữ ký niêm phong của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn Ch và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng. (BL: 96-99)

- 01 (một) phong bì được niêm phong số 371/2018 vụ Phạm Thị Ánh T (1983) HKTT: 112 K'Long Trao 2 – Gung Ré – Di Linh – Lâm Đồng; QĐTC: 26 ngày 15/12/2017, hoàn mẫu: 7,7616 (g) có chữ ký niêm phong của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn Ch và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng. (BL: 96-99)

Xét các giá trị trên không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO vỏ màu vàng, số IMEI1: 866977030379855; số IMEI2: 866977030379848; điện thoại có 02 SIM đang hoạt động, không kiểm tra chi tiết máy móc bên trong. Xét vật chứng này là phương tiện dùng để phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Vật chứng Thu giữ của Trần Văn T:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh bên trong có 01 SIM điện thoại đang hoạt động, không kiểm tra chi tiết máy móc bên trong. Xét vật chứng này là phương tiện dùng để phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 01 (một) phong bì được niêm phong số 372/2018 vụ Trần Văn T (1980)

HKTT: Tổ dân phố 16 – TT Di Linh – Di Linh – Lâm Đồng; QĐTC: 27 ngày 15/12/2017, bao gói có chữ ký niêm phong của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Vũ Minh H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng. (BL: 100-104)

- 01 (một) phong bì được niêm phong số 372/2018 vụ Trần Văn T (1980) HKTT: Tổ dân phố 16 – TT Di Linh – Di Linh – Lâm Đồng; QĐTC: 27 ngày 15/12/2017, Hoàn mẫu: Pb1: 3,6350(g); Pb2: 0,2605 (g); Pb3: 8,5688 (g) có chữ ký niêm phong của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Vũ Minh H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng.

Xét không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy

Vật chứng Thu giữ của Bùi Thanh T:

- 05 (năm) hộp giấy bằng bìa cacton, màu trắng, kích thước 30cm x 20cm x 10cm, có chữ ký xác nhận của Bùi Thanh T trên từng thùng cacton. (BL: 84)

- 02 (hai) kéo bằng kim loại; 01 (một) dụng cụ gấp bằng kim loại; 02 (hai) hộp quẹt (01 màu vàng; 01 bằng kim loại) thu giữ của Bùi Thanh T, đã được niêm phong. (BL: 84)

Xét không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 216 màu đen, Số Seri 1: 357343085773219, Số Seri 2: 357343089773215, có 01 (một) SIM đang hoạt động, số điện thoại sử dụng: 0947404279. Xét các vật chứng này là phương tiện dùng để phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Vật chứng của Trần Lê Kh:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, có 01 SIM điện thoại đang hoạt động, số điện thoại là: 0968.468.968, không xác định tình trạng máy móc bên trong. Xét các vật chứng này là phương tiện dùng để phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 01 thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank số thẻ 4221 5172 9162, chủ tài khoản Trần Lê Kh, số tài khoản: 0601 3583 6039. (BL: 67-68)

- 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietinbank, số thẻ 9704 1552 2515 9625, chủ thẻ: Trần Lê Kh.

Xét không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy

- 01 thẻ căn cước công dân số mang tên Trần Lê Kh số 0680 8900 0065 cấp ngày 27/ 12/ 2016 Nơi cấp: Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư.

Đây là giấy tờ hợp pháp của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo sử dụng.

Đối với đối tượng Nguyễn Q, Hà Công Th là đối tượng nghiện mua ma túy, mua ma túy của Phạm Thị Ánh T sử dụng nên Cơ quan điều tra không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với Hoàng Thanh V là người có mặt cùng với Trần Văn T tại phòng số 5 – khách sạn Song An tại thời điểm Trần Văn T bị bắt quả tang: V là người sử dụng ma túy, không biết về việc T tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy và không tham gia mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Riêng đối tượng L (hoặc L), Ú, Huỳnh Công Th, Cơ quan CSĐT Công an huyện D đang tiếp tục xác minh làm rõ để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Nguyễn Tấn H nhiều lần mua ma túy của Trần Lê Kh. Tại bản án số: 13/2018 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh ngày 02/5/2018 xử phạt H15 tháng tù giam, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên trong vụ án này không đề cập.

[8] Về án phí: Các bị cáo T, Kh, T và T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Ánh T, Trần Lê Kh, Trần Văn T, Bùi Thanh T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

- Căn cứ điểm b, p, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm r, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ánh T 08 (*Tám*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2017

- Căn cứ điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm r, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Lê Kh 05 (*Năm*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2018.

- Căn cứ điểm b, m khoản 2 Điều 94 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm r, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 04 (*Bốn*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2017

- Căn cứ điểm b, m khoản 2 Điều 94 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm r, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T 04 (*Bốn*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2017

2. Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt bổ sung bị cáo Trần Lê Kh số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vật chứng thu giữ của Phạm Thị Ánh T. Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cân tiểu ly loại Amput, mặt trước màu trắng, mặt lưng màu đen chiều dài khoảng 04 cm; chiều rộng khoảng 02 cm; 01 (một) phong bì được niêm phong số 371/2018 vụ Phạm Thị Ánh T (1983) HKTT: 112 K'Long Trao 2 – Gung Ré – Di Linh – Lâm Đồng; QĐTC: 26 ngày 15/12/2017, bao gói có chữ ký niêm phong của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn Ch và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng; 01 (một) phong bì được niêm phong số 371/2018 vụ Phạm Thị Ánh T (1983) HKTT: 112 K'Long Trao 2 – Gung Ré – Di Linh – Lâm Đồng; QĐTC: 26 ngày 15/12/2017, hoàn mẫu: 7,7616 (g) có chữ ký niêm phong của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn Ch và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO vỏ màu vàng, số IMEI1: 866977030379855; số IMEI2: 866977030379848; điện thoại có 02 SIM đang hoạt động, không kiểm tra chi tiết máy móc bên trong.

Vật chứng Thu giữ của Trần Văn T. Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì được niêm phong số 372/2018 vụ Trần Văn T (1980) HKTT: Tổ dân phố 16 – TT Di Linh – Di Linh – Lâm Đồng; QĐTC: 27 ngày 15/12/2017, bao gói có chữ ký niêm phong của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Vũ Minh H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng; 01 (một) phong bì được niêm phong số 372/2018 vụ Trần Văn T (1980) HKTT: Tổ dân phố 16 – TT Di Linh – Di Linh – Lâm Đồng; QĐTC: 27 ngày 15/12/2017, Hoàn mẫu: Pb1: 3,6350(g); Pb2: 0,2605 (g); Pb3: 8,5688 (g) có chữ ký niêm phong của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Vũ Minh H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh bên trong có 01 SIM điện thoại đang hoạt động, không kiểm tra chi tiết máy móc bên trong.

Vật chứng Thu giữ của Bùi Thanh T. Tuyên tịch thu tiêu hủy: 05 (năm) hộp giấy bằng bìa cacton, màu trắng, kích thước 30cm x 20cm x 10cm, có chữ ký xác nhận của Bùi Thanh T trên từng thùng cacton; 02 (Hai) kéo bằng kim loại; 01 (một) dụng cụ gấp bằng kim loại; 02 (hai) hộp quẹt (01 màu vàng; 01 bằng kim loại) thu giữ của Bùi Thanh T, đã được niêm phong.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 216 màu đen, Số Seri 1: 357343085773219, Số Seri 2: 357343089773215, có 01 (một) SIM đang hoạt động, số điện thoại sử dụng: 0947404279.

Vật chứng của Trần Lê Kh. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM của Ngân

hàng Sacombank số thẻ 4221 5172 9162, chủ tài khoản Trần Lê Kh, số tài khoản: 0601 3583 6039; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietinbank, số thẻ 9704 1552 2515 9625, chủ thẻ: Trần Lê Kh.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, có 01 SIM điện thoại đang hoạt động, số điện thoại là: 0968.468.968, không xác định tình trạng máy móc bên trong. Xét các vật chứng này là phương tiện dùng để phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Trần Lê Kh 01 thẻ căn cước công dân số mang tên Trần Lê Kh số 0680 8900 0065 cấp ngày 27/ 12/ 2016 Nơi cấp: Cục CS ĐKQLCT và DLQG về dân cư.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2018 giữa Công an huyện D và Chi cục thi hành án dân sự huyện D)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc Phạm Thị Ánh T, Trần Lê Kh, Trần Văn T, Bùi Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Hoàn

